

những ngón tay tôi vấp liên liên trên chiếc máy chữ già nua, và chữ đánh cứ dính vào nhau vì nhăm lẩn. Dương trong tình trạng đó bỗng tôi nghe thấy tiếng gõ cửa làm tôi mất hẳn hứng thú. Đó là người đánh xe chở thuê cùng với đôi ngựa kéo, mang đến một bức điện gửi từ thị trấn về, do chị Phêrula của tôi viết báo tin cho tôi biết Rôsa đã chết.

Tôi phải đọc mẩu điện báo đến lần thứ ba mới hiểu được cái nặng nề to lớn của nỗi đau khổ của mình. Điều duy nhất mà từ xưa tôi chưa hề nghĩ đến là Rôsa cũng chết như tất cả mọi người trên trần thế. Tôi đã đau khổ rất nhiều với ý nghĩ rằng cô, buồn chán vì chờ đợi, đã quyết định lấy người khác, hoặc không bao giờ có thể tìm thấy vĩa quặng quý để có thể nắm trong tay một gia tài giàu có, hoặc cả khu mỏ bị đổ sập đè bẹp tôi dưới núi đất đá như một con dán. Tôi đã nghĩ suy, tưởng tượng đến tất cả những khả năng ấy, và nhiều khả năng tồi tệ khác nữa, nhưng thật chưa bao giờ nghĩ đến cái chết của Rôsa, mặc dù tính bi quan cố tật của tôi vẫn khiến cho tôi bao giờ cũng chờ đợi những điều tồi tệ nhất đến với mình. Tôi cảm thấy không có Rôsa cuộc đời sẽ không còn nghĩa lý gì đối với tôi cả. Người tôi như một quả bóng bị xì xẹp xuống, bao nhiêu hào hứng vừa có thấy đều tan đi. Tôi ngồi lặng trên ghế nhìn hoang mạc qua khung cửa sổ, nào ai biết bao nhiêu lâu, cho tới khi trong con người tôi tinh thần dần dần tỉnh lại. Phản ứng đầu tiên là một phản ứng điên cuồng, căm giận. Tôi đâm thùm thụp vào tường ván của căn nhà cho đến khi đôi bàn tay vãi máu, tôi xé tan thành nghìn mảnh những bức thư, những bức vẽ của Rôsa và những bản sao thư từ của tôi đã giữ lại,

lì với vàng nhét tất cả quần áo, giấy tờ, chiếc túi vải nhỏ đựng vàng vào va li, sau đấy đi tìm người cai quản kho lại cho anh ta tiền công chỉ cho thợ và chìa khóa của kho hàng. Anh lái xe chở thuê nhận chở tôi ra đến tận xe lửa. Hai chúng tôi phải vượt một đoạn đường trên lưng ngựa, mặc măng-tô may tại Castida là thứ áo ấm duy nhất có thể chống được mua tuyết dày đặc, đi rất chậm chạp qua dải đất cô đơn bất tận, nơi mà chỉ có bản năng của người dẫn đường mới có thể đảm bảo cho chúng tôi đi tới được nơi đã định, bởi vì ở đây chẳng có lấy một điểm gì làm dấu cho những con đường. Đêm sáng và đầy sao, tôi cảm thấy rét lọt vào đến tận xương, làm tê cứng bàn tay, thấm vào đến tận linh hồn trong tận cùng thân thể. Tôi nghĩ đến Rôsa, và có cái mong muốn rất vô lý rằng tin đó là tin không có thật; tôi cầu trời một cách vô vọng rằng đó là một tin láo toét, sai lầm, bởi vì được sức mạnh tình yêu của tôi kích thích, cô đã hồi phục, đã sống trở lại, như thánh Laxarô. Tôi khóc trong lòng, ngập trong buồn đau và băng giá của đêm khuya, cầu nhàu chửi rủa con ngựa đi sao quá chậm, rủa cả chị Phêrula, người đưa đến cho tôi cái tin chẳng lành, rủa cả Rôsa đã chết đi mất, rủa cả Chúa đã cho phép sự bất hạnh này xảy ra, cho tới khi chân trời bắt đầu ửng sáng, và tôi thấy những vì sao biến mất, rồi những màu sắc đầu tiên của bình minh nổi dần lên, nhuộm đỏ và vàng cam cho cảnh sắc thiên nhiên vùng Bắc; và nhờ ánh sáng, trong con người tôi đã thấy có chút khôn ngoan sáng suốt trở về. Tôi bắt đầu chịu đựng nỗi bất hạnh của mình và cầu xin, bây giờ không phải là làm cho Rôsa sống lại nữa, mà chỉ cầu xin cho mình tới kịp để được nhìn thấy cô trước khi chôn cất.

Chúng tôi đi gấp đoạn đường còn lại và một tiếng đồng hồ sau, người phu xe thuê từ biệt tôi tại nhà ga nhỏ bé, nơi con tàu chạy qua, nối liền thế giới văn minh với nơi hoang mạc mà suốt hai năm tôi đã sống.

Suốt cuộc hành trình dài ba mươi tiếng đồng hồ tôi không nghỉ, không ăn, quên cả khát, và tôi kịp về đến gia đình Đen Vadê trước đám ma. Người ta kể rằng tôi tới nhà, người đẩy bụi, không mũ nón, bẩn thỉu, râu ria lởm chởm, khô khan và giận dữ, kêu thét gọi tên người yêu của tôi. Cô em bé Clara lúc đó hãy còn là một cô bé gầy gò, xấu xí, ra gặp tôi khi tôi bước vào sân, cô nắm lấy tay tôi, lặng lẽ dẫn tới phòng ăn. Tại đây Rôsa nằm giữa những nếp voan trắng trong cỗ quan tài trắng, đã ba ngày sau khi tắt thở mà vẫn còn giữ nguyên vẹn nhan sắc như xưa, và còn nghìn lần đẹp hơn hình ảnh mà tôi vẫn hình dung trong tưởng nhớ, bởi vì Rôsa trong cái chết đã biến thành nàng tiên cá, từ bao đời nay vẫn là bí mật với con người.

- Thật khốn nạn thay! Em đã tuột rơi khỏi tay tôi mất rồi! - người ta kể rằng tôi đã kêu thét như vậy, rồi quỳ phục xuống cạnh cô, làm huyền não âm ỉ, khiến toàn thể gia đình họ hàng đều khiếp hãi, bởi vì thật tình không một ai có thể hiểu nổi sự thất bại của tôi trong việc đã bỏ phí bao nhiêu năm đi đào bới đất để làm giàu, với mục đích duy nhất được một ngày nào đó dắt tay cô gái trẻ đến trước bàn thờ, thế mà cái chết đã phủ phàng cướp mất người đẹp của tôi.

Một lát sau xe tang tới, một cỗ xe lớn, sơn đen bóng loáng, sáu con ngựa bờm rũ rượi kéo, đứng theo thói tục thời đó, và hai người phu đánh ngựa mặc quần áo chế phục cũng màu đen. Cỗ xe tang rời nhà vào nửa chiều,

dưới một làn mưa phùn lay nhay day dăng, đi theo sau xe tang là cả một đoàn xe chở thân nhân, bạn bè, và những vòng hoa phúng viếng. Theo tục lệ, đàn bà trẻ em không tham dự vào việc chôn cất, cái đó dành cho cánh đàn ông, nhưng Clara cuối cùng vẫn lọt được vào trong đám đông đi theo linh cửu chị Rôsa. Tôi thấy bàn tay bé nhỏ có đeo găng của cô bé bám chặt lấy bàn tay tôi và suốt đoạn đường đưa ma tôi có cô bé bên cạnh, một cái bóng bé nhỏ, lặng lẽ làm dậy lên một cảm giác dịu dàng, ấm áp chưa từng thấy trong tâm hồn tôi. Lúc đó tôi vẫn chưa nhận biết được rằng Clara đã hai ngày rồi không nói lấy một lời, phải qua ba ngày nữa người trong gia đình mới hoảng hốt nhận thấy sự im lặng đó.

Sêvêrô Đen Vadê và mấy anh con trai lớn khiêng chiếc quan tài trắng đóng một hàng đinh bạc của Rôsa, và chính tay họ đặt quan tài xuống cái ổ vắn mở ở trong lăng mộ. Họ bước đi theo lối tang lễ, lặng lẽ không nước mắt, theo đúng những tiêu chuẩn buồn rầu trong một đất nước có thói quen giữ danh dự trong đau thương. Sau khi những chiếc song sắt của ngôi mộ đã đóng và những người đưa đám đã ra về, tôi còn ở lại đó, đứng lặng giữa những vòng hoa còn nguyên vẹn, thoát khỏi cái miệng tham ăn của con Barabátx đã theo được Rôsa đến nghĩa địa. Có lẽ trông tôi giống như một con chim đen sẫm mùa đông, trong bộ áo có đuôi tôm dài phe phẩy trước ngọn gió Bắc, cao và gầy như thể trạng của tôi vẫn thế, trước khi nó tuân theo lời nguyện rửa của Phêrula mà bắt đầu teo nhỏ dần đi. Trời màu xám xịt và đe dọa đổ mưa xuống; có lẽ lúc đó trời rất lạnh, nhưng tôi không cảm thấy lạnh bởi vì con người tôi đang bị con diên giân chiếm lĩnh hoàn

toàn. Tôi không thể đảo mắt rời khỏi cái khuôn đá hoa cương hình chữ nhật, nơi có ghi bằng nét chữ Gô-tích tên của Rôsa, người đẹp, và ngày tháng giới hạn của cuộc qua chơi ngắn ngủi trên cõi đời này. Tôi nghĩ mình đã để mất hai năm mơ mộng cùng Rôsa và cuối cùng không có được cái an ủi chết chôn cạnh cô. Ngẫm nghĩ về những năm còn lại của mình, tôi đi đến kết luận rằng không còn cô, nhưng năm đó không còn giá trị, bởi vì không bao giờ tôi còn tìm được một người phụ nữ nào khác có được món tóc xanh và đẹp như sắc biển ấy trên khắp thế giới này. Nếu như người ta bảo rằng tôi sẽ sống hơn chín mươi năm nữa, có lẽ lúc đó tôi sẽ tự bắn vào mình một phát đạn để chết ngay.

Không nghe thấy tiếng bước chân của người gác nghĩa địa tiến đến gần ở mé sau, tôi giật mình ngạc nhiên khi anh ta đặt tay lên vai tôi.

- Tại sao anh dám chạm vào người ta? - tôi gầm lên.

Con người khốn khổ đó lùi lại, sợ hãi. Một vài giọt mưa buồn rầu thấm ướt những bông hoa của những người đã chết.

- Xin lỗi ngài, đã sáu giờ, và tôi phải đóng cửa nghĩa trang - tôi nhớ rằng anh ta nói với tôi như vậy.

Anh ta cố gắng giải thích cho tôi biết luật lệ cấm những người không thuộc nhân sự của nghĩa trang không được phép ở lại nơi này sau khi mặt trời lặn, nhưng không để cho anh nói hết, tôi ấn vào tay anh ta mấy tờ giấy bạc và tôi đẩy anh ta đi, để cho tôi yên. Tôi trông thấy anh ta bước ra xa, liếc nhìn tôi qua vai áo. Chắc hẳn anh ta nghĩ rằng tôi là một thằng điên, một trong số những

con ma bệnh hiếp người chết thỉnh thoảng lại lượn lơ quanh những nơi nghĩa địa.

Đó là một đêm dài, có lẽ đêm dài nhất trong cuộc đời tôi. Suốt đêm tôi ngồi cạnh mộ Rôsa, nói với cô, đi cập kê bên cô trên đoạn đường thứ nhất trong cuộc hành trình của cô về NOI XA TÍT TẮP KIA, trong khi thật tôi còn khó khăn mới dứt được mình ra khỏi mặt đất, và còn cần biết bao nhiêu tình yêu của những người sống, để có thể ra đi thanh thản vì ít nhất cũng được an ủi là đã gieo được một chút gì vào trái tim của người nào khác. Tôi nhớ lại khuôn mặt tuyệt đẹp của cô và chữ rửa số phận của chính mình. Tôi trách cả Rôsa, vì cô tôi đã phải sống những năm trong hầm mỏ, để mơ mộng sống mãi cùng cô. Tôi không nói cho cô biết tôi đã không nhìn những người phụ nữ khác trong suốt thời đó, ngoài một số cô gái làng chơi khốn khổ, già yếu, mòn mỏi, đáng thương. Nhưng đúng tôi đã nói để cô biết tôi đã sống giữa những con người gai góc, coi thường luật pháp, ăn quả sung, uống nước đục, xa cách với văn minh, ngày đêm nghĩ đến cô, mang trong tâm trí hình ảnh của cô như thể một lá cờ, nó tạo cho tôi sức mạnh để tiếp tục công việc đào bới trong ruột núi, dù đã lạc mất vía quặng, dù đau dạ dày phần lớn ngày tháng trong năm, dù lạnh cóng trong đêm và điên loạn bởi cái nóng ban ngày, tất cả như vậy cũng chỉ nhằm mục đích duy nhất lấy được cô làm vợ; nhưng bây giờ cô đã phản bội, chết đi mất trước khi tôi có thể thực hiện được những mơ mộng mà tôi đã nâng niu, để lại cho tôi một nỗi đau buồn không thể nào khuây khỏa. Tôi nói với cô rằng cô đã chọc ghẹo đùa cợt tôi, tôi kể với cô rằng chưa bao giờ hai đứa được ở cạnh nhau hoàn toàn

chỉ có hai đứa, rằng tôi chỉ được hôn cô một lần duy nhất. Tôi phải theo đuổi tình yêu bằng những kỷ niệm và những ước muốn gấp vội, nhưng không thể nào thỏa mãn, và những bức thư chậm đến và đã phai mờ cả chữ không thể phản ánh được niềm say mê của tình cảm cũng như nỗi đau về sự vắng mặt, xa cách của cô, bởi chung viết theo thể anh hùng ca thì tôi có thể làm được dễ dàng, còn diễn tả những xúc động tình cảm của mình thì đối với tôi lại rất khó khăn, không làm nổi. Tôi nói với cô rằng những năm sống trong hầm mỏ là những năm mất mát không thể đền bù, và nếu như tôi biết được cô chỉ sống rất ít như thế trong cuộc đời này, có thể tôi đã đi ăn trộm tiền bạc cần thiết để cưới cô và xây dựng một lâu đài lung lay bằng tất cả những của quý dưới đáy biển: san hô, ngọc trai, xà cừ, tại đó tôi sẽ canh giữ, bảo vệ cô và nơi ấy chỉ có mình tôi có thể ra vào. Tôi sẽ yêu cô không dứt trong suốt thời gian hầu như vô tận, bởi vì tôi chắc chắn rằng nếu cô sống cùng tôi, cô sẽ không uống phải liều thuốc độc người ta dành cho cha cô, và cô sẽ sống được nghìn năm. Tôi nói với cô về những cử chỉ vuốt ve vẫn dành cho cô, những món quà tặng làm cô phải ngạc nhiên, cách thức tôi say mê yêu đương cô và làm cho cô sung sướng. Tôi nói với cô, tất cả những điều điên dại mà chưa bao giờ tôi hề thổ lộ với cô và cũng không bao giờ tôi lại thổ lộ ra với bất cứ người phụ nữ nào khác.

Đêm đó tôi tưởng rằng tôi đã mất hoàn toàn cái khả năng yêu mê, tôi sẽ không bao giờ còn có thể cười cợt hoặc đùa theo một ảo vọng. Nhưng "không bao giờ nữa" quả là một thời gian rất dài. Như vậy tôi có thể chứng nghiệm nó trong cuộc đời dài này.

Tôi thấy nổi cảm giận điên cuồng nảy nở trong tôi như thể một u bướu độc hại, làm biến mất những giờ phút tốt đẹp của cuộc sống, làm tôi không còn khả năng để tỏ ra dịu dàng, rộng lượng. Nhưng trên tất cả mớ hỗn độn và cảm giận đó, tình cảm mãnh liệt mà tôi nhớ mình đã có trong đêm đó là cái cảm xúc thấy mong ước bị đổ nhào tan rã, bởi vì không bao giờ tôi còn có thể thực hiện khao khát được đưa bàn tay vuốt ve khắp thân thể Rôsa, được đi vào những nơi thân yêu kín đáo, được buông sổ mớ tóc như nguồn nước xanh của cô và đắm mình trong dòng nước sâu thẳm nhất của cô. Tôi gọi một cách tuyệt vọng hình ảnh cuối cùng của cô mà tôi còn giữ được, nó nổi giữa những nếp voan trắng trong cổ quan tài trịnh bạch, với chiếc mũ cánh hoa chanh trong trắng của cô dẫu trên đầu, và một vòng tràng hạt giữa những ngón tay. Tôi không ngờ rằng cứ như thế, cái hình ảnh cô với chiếc mũ cánh hoa chanh và vòng tràng hạt, tôi lại trông thấy cô trong một giây chớp nhoáng nhiều năm sau đó.

Người gác nghĩa trang trở lại cùng với những tia sáng đầu tiên của buổi sớm mai. Chắc hẳn anh ta cảm thấy thương hại cái chàng điên chết cồng đến nửa người, qua một đêm ngồi cùng những hồn ma xám ngắt trong nghĩa địa. Anh ta chìa cho tôi chiếc bình toong:

- Trà nóng. Uống đi một chút, thưa ông - anh ta mời tôi.

Nhưng tôi từ chối bằng một cái gạt tay và, cầu nhàu, chải rửa, tôi bước những bước dài và giận dữ, giữa dây mộ và hàng cây trắc bách diệp.

*

Cái đêm mà bác sĩ Quêvátx và anh chàng phụ tá của ông mổ xác Rôsa trong bếp để tìm nguyên nhân của cái chết, Clara nằm trên giường hai mắt mở thao láo, run sợ trong bóng tối. Có cái gì ngờ ngợ ghê gớm rằng sở dĩ chị cô chết chính là do cô đã báo trước điều đó. Cô nghĩ có lẽ cái mãnh lực tinh thần của cô đã làm cho lọ muối chuyển động trên bàn, có thể cũng là nguyên nhân gây nên cái chết, gây nên những cuộc động đất và nhiều tai họa khác lớn hơn nữa. Bà Nivêa phải giải thích mãi để cô biết cô không thể gây ra những sự kiện đó được mà chỉ có thể là đã nhìn thấy nó sớm trước một chút mà thôi, nhưng sự giải thích của bà mẹ cũng vô ích. Cô vẫn cảm thấy buồn rầu, tội lỗi và nẩy ra ý nghĩ nếu có thể đến nằm một chỗ cùng chị Rôsa cô sẽ thấy dễ chịu hơn. Cô nhòm dậy, mặc áo ngủ, để chân trần cô đi tới phòng ngủ mà cô cùng ở chung với cô chị cả, nhưng không thấy chị còn nằm đấy như lúc cô trông thấy chị lần cuối cùng. Cô bước ra ngoài nhà để tìm chị. Khắp ngôi nhà đều tối mờ và lạnh lẽ. Mẹ cô say ngủ bởi liều thuốc của bác sĩ Quêvátx, còn các anh chị cô và những người làm đều về phòng ngủ của họ từ rất sớm. Cô đi qua mọi gian phòng, men sát theo những bức tường, sợ hãi và lạnh cóng. Bàn ghế nặng nề, những bức rèm dạ che cửa dày cộp, tranh ảnh treo trên tường, giấy vẽ hoa phủ tường trên nền sẫm, những ngọn đèn đã tắt lũng lảng, và bốn cây dương xỉ trên bốn đầu cầu lót gạch men, tất cả đối với cô đều có vẻ dọa nạt, đáng sợ. Cô thấy trong phòng khách có ánh sáng lọt qua khe hở dưới cánh cửa và cô định bước vào, nhưng sợ gặp cha cô, sợ ông lại ra lệnh cho cô quay về giường ngủ, cô bèn đi về phía bếp, định bụng đến úp mặt vào ngực Vú

Em cô sẽ tìm được an ủi. Cô bước qua sân chính, đi giữa những cây trà và cây cam thấp lùn, xuyên qua những gian phòng của căn thứ hai của ngôi nhà, qua dãy hành lang u tối, có ánh lửa le lói của những cây đèn đất để cháy suốt đêm. Rồi cô bước đi ra, run rẩy và làm cho những con dơi và mọi loài côn trùng ban đêm phải im bật, cô đi tới sân thứ ba, nơi có những dãy nhà phụ và căn bếp. Tại đó, ngôi nhà không còn cái dáng vẻ lãnh chúa oai nghiêm và bắt đầu phô bày lộn xộn nào chuồng chó, chuồng gà và những gian buồng nhỏ của những người hầu. Ở mãi phía sau là chuồng ngựa, tại đó có mấy con ngựa già mà Nivêa vẫn còn dùng đến, mặc dầu Sêvêrô Đen Vadê là một trong những người đầu tiên ở đây đã mua xe hơi. Cánh cửa ra vào và cửa sổ của căn bếp đều đóng. Linh tính báo cho Clara biết có việc gì đó bất thường đang xảy ra ở bên trong, nên cô ló đầu nhìn, nhưng mũi cô chưa tới được bậc dưới của khuôn cửa sổ, cô phải lùi một chiếc hòm gỗ áp sát vào tường, trèo lên và nhìn vào trong qua một kẽ hở giữa cánh cửa và nẹp cửa mà thời gian và ẩm ướt đã làm cho vênh lên không kín nữa. Và đến lúc đó cô bé trông thấy rõ ở bên trong.

Ông bác sĩ Quêvátx, to béo, tốt bụng và hiền dịu có bộ râu xồm xoàm, có cái bụng thật to, con người đã giúp cho cô ra đời và đã chăm nom cho cô trong suốt thời kỳ thơ ấu ốm yếu bệnh tật, chữa cho cô những cơn hen suyễn, lúc đó đã biến thành một cơn quỷ dơi hút máu béo múp và đen ngòm y như là một loại dơi hút máu mình họa trong những cuốn sách của cậu Máccôx. Ông ta đang cúi xuống cái bàn to, nơi Vú Em vẫn sửa soạn làm cơm. Ở bên cạnh ông có một người trai trẻ lạ mặt, xanh tái như

ánh trắng, áo sơ mi thấm máu và đôi mắt ngầy dại vì tình yêu. Cô trông thấy đôi chân trắng nõn nà và đôi bàn chân trần của chị Rôsa. Clara run lên. Đúng lúc đó bác sĩ Quêvátx đứng lui ra một chút, cô bé trông thấy một quang cảnh kinh khủng: Rôsa nằm trên mặt đá của chiếc bàn to rộng, bụng vỡ toang theo một đường rạch thật sâu, lòng ruột đặt một bên, bên trong cái liễn đựng rau sà lách đầu Rôsa ngoẹo sang phía cửa sổ, nơi Clara đang đứng nhìn trộm, bộ tóc dài xanh muốt của chị từ mặt bàn thả xuống sát những viên gạch nền nhà loang lổ máu. Đôi mắt Rôsa đã nhắm nghiền, nhưng do tác động của bóng tối, do khoảng cách hoặc do tưởng tượng, cô bé như thấy nó mang một vẻ cầu khẩn, nhục nhằn.

Clara bất động trên chiếc hộp gỗ, không thể rời mắt khỏi quang cảnh đó cho tới khi kết thúc. Cô đứng nhìn chằm chằm qua khe hở một lúc lâu, người lạnh giá mà cũng không hề chú ý, cho tới khi hai người đàn ông moi sạch bụng Rôsa, tiêm vào mạch máu chị một chất nước và rửa sạch trong bụng cũng như ngoài da chị cô bằng một loại dấm thơm và dầu hương cam tùng. Cô đứng lặng cho đến khi hai người nhồi đầy những bột thạch cao, ướp hương thơm vào trong bụng Rôsa và khâu kín lại bằng một mũi kim cong như của người khâu nệm. Cô đứng lặng cho đến khi ông bác sĩ Quêvátx đi rửa tay trong chậu rửa bát và chùi nước mắt, trong khi anh con trai lạ mặt hôn lên môi Rôsa, hôn lên cổ, hôn lên đôi vú, hôn giữa bẹn Rôsa, rồi lau cho chị bằng một miếng bọt biển, mặc cho chị tấm áo thêu ren và sửa sang lại bộ tóc cho chị cô, vừa làm vừa thở hồng hộc. Cô đứng lặng tới khi Vú Em và ông bác sĩ Quêvátx quay lại, tới khi họ mặc cho chị cô bộ

quần áo trắng và đội lên đầu chị cô chiếc vòng hoa chanh, vẫn gói giữ trong hộp giấy sấp để dành cho ngày lễ cưới. Cô đứng lặng tới khi người phụ tá của bác sĩ Quêvátx lại bế chị cô trong đôi tay một cách dịu dàng cảm động giống như thể được bế chị cô như vậy để bước qua ngưỡng cửa nhà anh lần đầu, như thể chị là người vợ yêu mới cưới của anh ta. Và cô đứng lặng im không cử động như vậy cho tới khi những tia sáng đầu tiên xuất hiện. Lúc đó cô mới lườn về giường nằm, cảm thấy mang trong người tất cả cái im ắng, lặng lẽ của cuộc đời. Cái lặng lẽ đó hoàn toàn chiếm cứ cô khiến cô không nói lên một lời nào nữa từ đó đến chín năm sau, cho đến tận khi cô chợt lại cất lên tiếng nói để báo cho mọi người biết tin cô sắp lấy chồng.